

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-NTB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 09 năm 2024

THÔNG BÁO
V/v Thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, các khoản thu khác diện chính sách, khó khăn năm học: 2024-2025

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/NQ- HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2022/NQ- HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022-2023;

Căn cứ công văn số 5307/SGDDT-KHTC ngày 26 tháng 08 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường THPT Nguyễn Thái Bình thông báo về việc thực hiện miễn, giảm học phí diện chính sách, khó khăn năm học 2024-2025 như sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ HỒ SƠ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ:

ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ	DANH MỤC HỒ SƠ CẦN NỘP	MỨC MIỄN, GIẢM
Đối tượng 1: Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Con của anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến. (Nghị định 81/2021/NĐ-CP 27/08/2021 của Chính phủ)	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí theo mẫu quy định - Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng thân nhân người có công với cách mạng được xác định theo theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội. - Bản sao chứng thực giấy khai sinh	Miễn theo quy định

Đối tượng 2: Học sinh là con liệt sỹ; con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. (Nghị định 81/2021/NĐ-CP 27/08/2021 của Chính phủ)	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí theo mẫu quy định - Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng thân nhân người có công với cách mạng được xác định theo theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội. - Bản sao chứng thực giấy khai sinh	Miễn theo quy định
Đối tượng 3: Học sinh khuyết tật. (Nghị định 81/2021/NĐ-CP 27/08/2021 của Chính phủ)	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí theo mẫu quy định - Bản sao chứng thực Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp huyện	Miễn theo quy định, CPHT
Đối tượng 4: Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi (không người nuôi dưỡng) đang học phổ thông thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. (Nghị định 81/2021/NĐ-CP 27/08/2021 của Chính phủ)	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí theo mẫu quy định - Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Miễn theo quy định
Đối tượng 5: Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người (<i>La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cơ Lao, Bố Y, Cống, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu</i>) quy định khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP 09/05/2017, có hộ khẩu thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. (Nghị định 81/2021/NĐ-CP 27/08/2021 của Chính phủ)	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí theo mẫu quy định - Bản sao chứng thực Giấy khai sinh. - Bản sao chứng thực Sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc).	Miễn theo quy định
Đối tượng 6: Học sinh thuộc hộ nghèo chuẩn TP.HCM đang học tại cơ sở GD trên địa bàn TP từ mẫu giáo đến THPT (Công văn số 794/SGDDĐT-KHTC - 21/03/2022 của Sở GDĐT TP.HCM)	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (có xác nhận của UBND phường)	Miễn theo quy định, CPHT

Đối tượng 7: Học sinh phổ thông con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ quy định theo khoản 2, điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP 06/04/2016 của Chính phủ (Nghị định 81/2021/NĐ-CP 27/08/2021 của Chính phủ)	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí. - Giấy xác nhận của cơ quan đang công tác	Miễn theo quy định
Đối tượng 8: Học sinh dân tộc Chăm và Khmer trên địa bàn TP.HCM đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông (Nghị quyết số 23/2022/NQ- HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND TP)	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí. - Bản sao chứng thực Giấy khai sinh.	Miễn theo quy định
Đối tượng 9: Học sinh các dân tộc thiểu số khác thuộc hộ cận nghèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt. (Nghị quyết số 23/2022/NQ- HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND TP)	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí. - Bản sao chứng thực Giấy khai sinh. - Bản sao chứng thực Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND xã cấp;	Miễn theo quy định
Đối tượng 10: Học sinh là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. (Công văn số 794/SGDĐT-KHTC -21/03/2022 của Sở GDĐT TP.HCM)	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí. - Bản sao chứng thực Giấy khai sinh. - Bản sao chứng thực Sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc).	Giảm 70% học phí
Đối tượng 11: Học sinh là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên. (Công văn số 794/SGDĐT-KHTC -21/03/2022 của Sở GDĐT TP.HCM)	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí. - Bản sao chứng thực Giấy khai sinh. - Bản sao chứng thực Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức BHXH cấp.	Giảm 50% theo quy định
Đối tượng 12: Học sinh là thành viên thuộc hộ cận nghèo TP.HCM đang học tại các trường từ mẫu giáo đến trung học phổ thông công lập (Công văn số 794/SGDĐT-KHTC -21/03/2022 của Sở GDĐT TP.HCM)	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (có xác nhận của UBND phường)	Giảm 50% theo quy định

Đối tượng 13: Trẻ em đang thực tế cư trú tại địa phương (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú) mồ côi cha hoặc mẹ và bị người còn lại bỏ rơi, sống với ông, bà hoặc người nuôi dưỡng nhưng hiện nay ông, bà hoặc người nuôi dưỡng đã tử vong (chưa được hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP) (Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND TP.HCM)	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí. - Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật cư trú.	Hỗ trợ học phí
Đối tượng 14: Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ (hiện trẻ sống chung với cha hoặc mẹ; hoặc trẻ sống chung với người thân) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của TP quy định (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú) (Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND TP.HCM))	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí. - Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật cư trú.	Hỗ trợ học phí
Đối tượng 15: Trẻ em có cha và mẹ hoặc cha hay mẹ đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc (hiện trẻ sống chung với cha hoặc mẹ; hoặc trẻ sống chung với người thân) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú) (Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND TP.HCM))	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí. - Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật cư trú.	Hỗ trợ học phí
Đối tượng 16: Trẻ em có cha và mẹ hoặc cha hay mẹ là đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP 15/03/2021 của Chính phủ (hiện trẻ sống chung với cha hoặc mẹ; hoặc trẻ sống chung với người thân) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú) (Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND TP.HCM))	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí. - Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật cư trú.	Hỗ trợ học phí
Đối tượng 17: Gia đình khó khăn không thuộc diện chính sách do nhà nước quy định	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí diện khó khăn.(Đơn viết tay, không có mẫu đơn), có xác nhận của địa phương nơi cư trú - Có xác nhận của GVCN	Hỗ trợ học phí

ĐIỀU 2: QUY ĐỊNH VỀ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ:

- Việc miễn, giảm học phí thực hiện cho học sinh đang học tập tại trường THPT Nguyễn Thái Bình năm học: 2024-2025.

- Thời gian áp dụng miễn, giảm: Từ tháng 09/2024 đến tháng 05/2025. Những trường hợp nộp trễ sẽ bắt đầu tính miễn, giảm kể từ thời gian nhận đơn miễn, giảm hợp lệ, đúng quy định.

ĐIỀU 3: CÁCH THỨC NỘP HỒ SƠ:

- Thời gian nhận đơn và nộp đơn tại Phòng tài vụ: Từ ngày 16 tháng 09 năm 2024 đến ngày 30 tháng 09 năm 2024. Khi nộp đơn miễn, giảm ký nhận vào Sổ giao nhận đơn miễn giảm.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và các khoản thu khác năm học 2024-2025 của Trường THPT Nguyễn Thái Bình. Đề nghị học sinh, Giáo viên chủ nhiệm và các bộ phận liên quan nghiêm túc thực hiện./.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tài vụ (Thảo).

Đặng Đình Quý

(*): Quy định cụ thể

Đối tượng 4: Học sinh từ 16-22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp quy định sau đây:

- a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- b) Mồ côi cả cha và mẹ;
- c) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;
- d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- đ) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- e) Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;
- g) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- h) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- i) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- k) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- l) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc

Tra cứu thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền:

- + [*Quyết định 131/QĐ-TTg*](#) ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020.
- + [*Quyết định số 861/QĐ-TTg*](#) ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.
- + [*Quyết định số 353/QĐ-TTg*](#) ngày 15/3/2022 về việc phê duyệt Danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025
- + Các quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi (nếu có)..